

Bản án số: 65/2023/DS-ST
Ngày 26 – 4 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Công Đoàn.

Ông Nguyễn Hoài Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn H, sinh năm 1958; cư trú tại: Ấp T, xã N1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Võ Thành L và bà Nguyễn Tuyết N; cư trú tại: Ấp T, xã N1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của ông Phạm Văn H, thể hiện:*

Trong thời gian từ năm 2011-2016, ông H có bán thuốc, thức ăn nuôi tôm công nghiệp cho ông Võ Thành L, bà Nguyễn Tuyết N, thỏa thuận sau khi thu hoạch tôm sẽ thanh toán; đến năm 2016, ông L, bà N không tiếp tục nuôi tôm và còn thiếu lại ông H tổng số tiền 965.696.000 đồng. Đến cuối năm 2022, ông L, bà N sau khi trả được 30.000.000 đồng thì không tiếp tục thực hiện và còn thiếu lại số tiền 935.696.000 đồng. Sau đó, ông H đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông L, bà N không trả nên ông H yêu cầu ông L, bà N trả lại số tiền 935.696.000 đồng.

** Đối với ông Võ Thành L và bà Nguyễn Tuyết N:* Mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của ông H nhưng ông L, bà N không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông H và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Phạm Văn H khởi kiện yêu cầu ông Võ Thành L, bà Nguyễn Tuyết N trả số tiền mua bán thuốc, thức ăn thủy sản nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng mua bán thuốc thẩm quyền của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông L, bà N đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp.

[3] Theo biên bản làm việc xác nhận công nợ và cam kết thanh toán ngày 15/02/2022 thì ông L thừa nhận còn thiếu tiền mua thuốc, thức ăn thủy sản ông H số tiền 965.696.000 đồng. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và ông L, bà N không có ý kiến phản đối nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Theo biên bản xác nhận nợ và cam kết thanh toán thì ông L ký nhận nợ số tiền 965.696.000 đồng, đến cuối năm 2022 thì ông L, bà N trả được 30.000.000 đồng và còn thiếu lại 935.696.000 đồng. Ông L, bà N không có ý kiến về nội dung khởi kiện của ông H nên phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu ông L, bà N phải trả số tiền còn thiếu là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông L, bà N phải chịu số tiền là: 36.000.000 đồng + 135.696.000 đồng x 3% = 40.070.880 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H. Buộc ông Võ Thành L, bà Nguyễn Tuyết N trả cho ông H số tiền 935.696.000 đồng (chín trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông H cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả thì hàng tháng ông L, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông L, bà N phải chịu 40.070.880 đồng (bốn mươi triệu không trăm bảy mươi nghìn tám trăm tám mươi đồng).

- Ông H không phải chịu (thuộc đối tượng là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn